



Ký số bởi: NGUYỄN THẾ DUY
Cơ quan: TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP
Email: duy.nt@becamex.com.vn
Ngày ký: 31/03/2026 21:40:11+07:00
Xác thực bởi: VNPT-CA SHA2

**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHIỆP
BECAMEX – CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (MCK: BCM)

Trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ theo yêu cầu ☐ khác

Nội dung thông tin công bố:

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP công bố thông tin BCTC
Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp đã kiểm toán năm 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn vào
ngày **31/03/2026** tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục **Cổ đông – Tin
tức/Quan hệ cổ đông-Công bố thông tin**.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2025

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Người được ủy quyền công bố thông tin
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THẾ DUY



BM-TC-10-26030038

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tên Công ty: Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

Mã chứng khoán: BCM

Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

1. Giải trình số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2025

1.1 Số liệu so sánh Báo cáo tài chính tổng hợp:

Theo Biên bản kiểm tra ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 113/QĐ-DNL ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.840.309.700.479	22.802.444.000	4.863.112.144.479
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.713.910.564.420	(2.072.949.455)	2.711.837.614.965
Phải trả người bán ngắn hạn	311	399.622.060.563	(2.238.083.614)	397.383.976.949
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	196.271.420.987	35.195.242.062	231.466.663.049
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.818.518.933.131	(72.949.835.042)	8.745.569.098.089
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.849.349.974.375	60.722.171.139	1.910.072.145.514
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.746.480.747.886	20.729.494.545	3.767.210.242.431
Giá vốn hàng bán	11	808.099.701.784	10.415.626.609	818.515.328.393
Chi phí bán hàng	25	983.978.168.330	(3.174.823.751)	980.803.344.579
Thu nhập khác	31	12.023.189.383	6.489.473.320	18.512.662.703
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.024.057.109.418	19.978.165.007	2.044.035.274.425
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	226.789.425.942	13.832.231.769	240.621.657.711
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.797.267.683.476	6.145.933.238	1.803.413.616.714
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i>				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.024.057.109.418	19.978.165.007	2.044.035.274.425
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	418.071.167.300	(20.522.199.600)	397.548.967.700
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(254.706.168.786)	544.034.593	(254.162.134.193)

1.2 Số liệu so sánh Báo cáo tài chính hợp nhất:

Theo Biên bản kiểm tra ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 113/QĐ-DNL ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.351.567.655.603	22.802.444.000	5.374.370.099.603
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.976.177.099.393	(2.072.949.455)	1.974.104.149.938
Phải trả người bán ngắn hạn	311	575.096.220.877	(2.238.083.614)	572.858.137.263
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	229.547.514.171	35.195.242.062	264.742.756.233
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.917.530.581.607	(72.949.835.042)	8.844.580.746.565
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.810.807.465.526	60.722.171.139	6.871.529.636.665
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.313.486.976.247	20.729.494.545	5.334.216.470.792
Giá vốn hàng bán	11	1.740.864.190.339	10.415.626.609	1.751.279.816.948
Chi phí bán hàng	25	1.067.340.280.879	(3.174.823.751)	1.064.165.457.128
Thu nhập khác	31	28.177.550.334	6.489.473.320	34.667.023.654
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.559.347.304.331	19.978.165.007	2.579.325.469.338
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	254.753.526.507	13.832.231.769	268.585.758.276
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.395.046.491.307	6.145.933.238	2.401.192.424.545
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.559.347.304.331	19.978.165.007	2.579.325.469.338
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(396.277.386.922)	(20.522.199.600)	(416.799.586.522)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	677.237.896.369	544.034.593	677.781.930.962

2. Giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong Báo cáo tài chính năm 2025 so với năm 2024:

STT	Khoản mục	Năm 2025 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN - BCTC tổng hợp	2.082.746.904.016	1.803.413.616.714	115,49
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN - BCTC hợp nhất	3.525.385.110.684	2.401.192.424.545	146,82

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 tăng 15,49% so với năm 2024. Nguyên nhân: Trong năm 2025, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.275 tỷ đồng, doanh thu tài chính tăng 100 tỷ đồng; chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác tăng 1.070 tỷ đồng so với năm trước. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế tổng hợp năm 2025 tăng 279 tỷ đồng (tương đương tăng 15,49%) so với năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 tăng 46,82% so với năm 2024. Nguyên nhân: Trong năm 2025, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 656 tỷ đồng, lãi trong công ty liên doanh, liên kết tăng 686 tỷ đồng; chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác tăng 266 tỷ đồng so

với năm trước. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 tăng 1.124 tỷ đồng (tương đương tăng 46,82%) so với năm trước.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

A red circular stamp of BECOMEX GROUP, THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH. The stamp contains the text "M.S.D.N: 3700149020-C.T.C", "TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP", "BECOMEX GROUP", and "THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH". A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Hoàn Vũ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 69
8. Phụ lục	70 - 73

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (tên cũ là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 với mã cổ phiếu là BCM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 - 274) 3 822 655
- Fax : (84 - 274) 3 822 713

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Mỹ Phước	Thửa đất số 2935, Tờ bản đồ số 62, Đường D1-N5, Khu phố Mỹ Thạnh, phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Bầu Bàng	Căn A2-09-10 đường NC, Khu phố Thương mại, ấp Đồng Sở, xã Bầu Bàng, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa (từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 được sáp nhập vào Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Mỹ Phước)	Khu phố 5, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (giải thể ngày 04 tháng 8 năm 2025)	Phòng 1908-09, Tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng (giải thể ngày 01 tháng 8 năm 2025)	Phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Bình Dương	1408 đường Huỳnh Văn Lũy, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà ở;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng, sửa chữa công trình thủy. Hoạt động nạo vét đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển. Vận tải hàng hóa viễn dương. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP;
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;
- Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thế Duy	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Vinh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Hồ Hồng Thạch	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Quảng Văn Viết Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Giang Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2025
Ông Trịnh Xuân Đức	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2024
Bà Trần Thị Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0811/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 73, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Phan Vũ Công Bá

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.251.651.205.197	31.125.632.882.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.141.905.824.258	1.942.302.594.616
1. Tiền	111		2.108.862.426.998	1.942.302.594.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.043.397.260	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	15.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.234.136.293.511	7.902.520.657.914
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.360.659.631.851	4.863.112.144.479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	734.594.264.436	323.070.898.470
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.138.882.397.224	2.711.837.614.965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22.837.161.307.642	21.221.149.869.754
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22.837.161.307.642	21.221.149.869.754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.447.779.786	44.659.760.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	21.509.495.285	42.721.475.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.938.284.501	1.938.284.501
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.271.304.533.910	17.765.450.950.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		486.041.039.604	583.742.370.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	440.591.026.532	523.779.554.622
- Nguyên giá	222		1.746.000.191.186	1.746.340.708.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.305.409.164.654)	(1.222.561.153.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	45.450.013.072	59.962.815.534
- Nguyên giá	228		166.724.866.911	154.161.174.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.274.853.839)	(94.198.359.377)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.565.988.649.731	2.652.656.626.304
- Nguyên giá	231		2.922.013.182.108	2.922.013.182.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(356.024.532.377)	(269.356.555.804)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		824.561.442.519	822.777.084.227
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	824.561.442.519	822.777.084.227
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.323.777.528.345	13.602.208.301.943
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	384.536.816.140	921.380.573.740
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	15.499.883.807.868	12.223.957.230.268
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	592.369.220.800	592.369.220.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(153.012.316.463)	(135.498.722.865)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.935.873.711	104.066.567.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	70.935.873.711	104.066.567.518
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.522.955.739.107	48.891.083.832.932

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.001.844.691.592	34.337.591.899.433
I. Nợ ngắn hạn	310		21.454.334.680.798	19.284.792.342.591
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a,c	248.281.703.419	397.383.976.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	804.144.415.390	1.619.175.402.080
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	210.264.576.831	231.466.663.049
4. Phải trả người lao động	314	V.16	35.676.280.746	33.561.405.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.256.438.739.200	8.745.569.098.089
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	981.502.224.859	1.035.848.851.945
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	9.641.037.965.034	6.849.706.449.648
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	276.988.775.319	372.080.495.350
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.547.510.010.794	15.052.799.556.842
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b,c	529.212.000	529.212.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	35.872.114.654	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	3.318.520.000	4.038.260.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	14.275.455.749.523	15.013.475.213.225
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	232.334.414.617	34.756.871.617

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.521.111.047.515	14.553.491.933.499
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.521.111.047.515	14.553.491.933.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	2.832.600.093.028	2.293.419.787.985
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	3.338.510.954.487	1.910.072.145.514
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.255.764.050.471	1.910.072.145.514
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.082.746.904.016	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.522.955.739.107	48.891.083.832.932

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026


 Nguyễn Phước Đại
 Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàn Vũ
 Tổng Giám đốc


TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.352.379.920.899	3.767.210.242.431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.226.703.843	5.060.452.589
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.343.153.217.056	3.762.149.789.842
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.124.076.543.457	818.515.328.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.219.076.673.599	2.943.634.461.449
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.110.609.065.139	1.010.338.139.776
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.396.447.933.868	597.860.834.576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.320.636.364.434	1.117.415.583.352
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	985.095.140.635	980.803.344.579
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	516.117.283.205	301.112.654.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.432.025.381.030	2.074.195.767.347
11. Thu nhập khác	31	VI.8	41.707.962.867	18.512.662.703
12. Chi phí khác	32	VI.9	105.375.701.156	48.673.155.625
13. Lợi nhuận khác	40		(63.667.738.289)	(30.160.492.922)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.368.357.642.741	2.044.035.274.425
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	285.610.738.725	240.621.657.711
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.082.746.904.016</u>	<u>1.803.413.616.714</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Phước Đại
Người lậpNguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.368.357.642.741	2.044.035.274.425
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9; V.10	198.686.272.609	207.213.884.410
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	17.513.593.598	(534.677.453.946)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(1.087.370.898.124)	(996.476.055.014)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.320.636.364.434	1.117.415.583.352
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.22	200.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.017.822.975.258	1.837.511.233.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		693.430.006.737	397.548.967.700
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(742.803.098.316)	(336.257.316.729)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(362.342.078.530)	(254.162.134.193)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		54.342.674.521	34.317.677.112
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.6; V.17; VI.5	(2.206.482.837.896)	(2.034.913.555.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(330.000.000.000)	(373.172.345.981)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	71.057.800	5.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(210.290.567.831)	(158.174.376.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(86.251.868.257)	(887.296.451.312)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.9; V.11; VII	(115.973.837.670)	(251.312.580.751)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8; VI.8	10.912.017.123	56.972.729
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(2.739.082.820.000)	(1.286.291.694.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	1.053.638.634.707	572.679.890.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.786.006.005.840)	(964.867.411.550)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

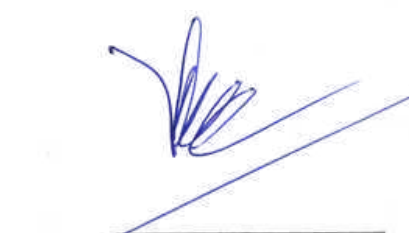
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	10.196.324.512.207	13.450.992.805.272
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(8.124.463.408.468)	(9.550.059.864.838)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.035.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.071.861.103.739	2.865.932.940.434
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		199.603.229.642	1.013.769.077.572
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.942.302.594.616	928.533.517.044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.141.905.824.258	1.942.302.594.616

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026


 Nguyễn Phước Đại
 Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàn Vũ
 Tổng Giám đốc


TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (tên cũ là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mùn cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Đối với hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh tùy thuộc theo từng phương án đầu tư.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Đại lộ Bình Dương, Khu Gò Cát, phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	Khám và chữa bệnh	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Tổ 6, Khu phố 3, phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Khám chữa bệnh	65,47%	65,47%	65,47%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	C1-2-3 đường DT6, Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và đô thị, kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	51,00%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Số 81, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 – số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Aspire (*)	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	100%

(*) Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Tầng 17, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	23,91%	23,91%	23,91%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Tòa nhà Sora, lô 18C, đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh Khu Công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	49,76%	49,76%	49,76%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Quốc lộ 14, Tổ 8, Khu phố 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Xã Vân Canh 2, tỉnh Gia Lai	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ	Xã Vĩnh Trinh, TP Cần Thơ	Kinh doanh khu công nghiệp	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Tòa nhà WTC Tower, số 01, đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore	Tầng 19, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT750, xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	46,94%	46,94%	46,94%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – Vsip	Tầng 20, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kinh doanh điện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một – Chơn Thành	Tòa nhà WTC Tower, số 01, đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Tòa nhà WTC Tower, số 01, đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	49,00%	49,00%	49,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Số 337 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương ⁽ⁱ⁾	Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng	47,71%	47,71%	47,71%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, Khu Công nghiệp. Kinh doanh bất động sản	44,42%	44,42%	44,42%

(i) Trong năm, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương đã phát hành cổ phiếu tăng vốn cho các cổ đông không kiểm soát làm tỷ lệ vốn góp đầu tư của Công ty vào Công ty này giảm từ 60,70% xuống còn 47,71% và Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các hoạt động trong Công ty này.

(ii) Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương đã thay đổi thành viên quản lý chủ chốt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các hoạt động trong Công ty này.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Mỹ Phước	Thửa đất số 2935, Tờ bản đồ số 62, Đường D1-N5, Khu phố Mỹ Thạnh, phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng	Căn A2-09-10 đường NC, Khu phố Thương mại, ấp Đồng Sở, xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa (từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 được sáp nhập vào Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Mỹ Phước)	Khu phố 5, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (giải thể ngày 04 tháng 8 năm 2025)	Phòng 1908-09, Tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng (giải thể ngày 01 tháng 8 năm 2025)	phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP - Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Bình Dương	1408 đường Huỳnh Văn Lũy, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.706 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.997 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đánh giá lại

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.



TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Giá trị vốn góp của Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (số lỗ phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm kết thúc năm tài chính) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ góp điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị thương hiệu này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 42
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao từ 33 năm đến 50 năm.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	470.520.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.108.862.426.998	1.941.832.073.730
Các khoản tương đương tiền	33.043.397.260	-
Cộng	2.141.905.824.258	1.942.302.594.616

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>384.536.816.140</i>	-	<i>921.380.573.740</i>	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương ^(xi)	-	-	424.903.500.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex ⁽ⁱ⁾	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước ⁽ⁱⁱ⁾	121.630.314.367	-	121.630.314.367	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương ^(xvii)	-	-	111.940.257.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50.490.000.000	-	50.490.000.000	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(iv)	30.416.501.773	-	30.416.501.773	-
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ Khởi nghiệp Becamex IDC- Block 71 ^(v)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>15.499.883.807.868</i>	<i>(153.012.316.463)</i>	<i>12.223.957.230.268</i>	<i>(135.498.722.865)</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW ^(vi)	4.132.435.370.000	-	4.132.435.370.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(vii)	2.932.020.037.837	-	2.932.020.037.837	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(viii)	2.547.716.191.510	-	1.812.716.191.510	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ^(ix)	2.657.611.851.600	-	1.404.429.031.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước ^(x)	1.079.350.000.000	-	719.350.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương ^(xi)	424.903.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định ^(xii)	316.000.000.000	-	236.000.000.000	-
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ ^(xiii)	223.076.100.000	-	223.076.100.000	(17.057.001.759)
Công ty Cổ phần Setia – Becamex ^(xiv)	178.151.496.663	-	178.151.496.663	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ^(xv)	148.040.227.697	-	148.040.227.697	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore ^(xvi)	130.059.720.000	(97.094.000.006)	130.059.720.000	(88.312.190.369)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương ^(xvii)	111.940.257.600	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông ^(xviii)	101.305.497.883	-	101.305.497.883	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương ^(xix)	84.500.000.000	(40.815.095.005)	84.500.000.000	(25.211.287.425)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi ^(xx)	55.873.557.078	-	55.873.557.078	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip ^(xxi)	248.900.000.000	(15.103.221.452)	36.000.000.000	(4.918.243.312)
Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành ^(xxii)	49.000.000.000	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh ^(xxiii)	49.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn ^(xxiv)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	592.369.220.800	-	592.369.220.800	-
Công ty CP – Công ty Nước – Môi trường Bình Dương ^(xxv)	375.000.000.000	-	375.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xxvi)	217.369.220.800	-	217.369.220.800	-
Cộng	16.476.789.844.808	(153.012.316.463)	13.737.707.024.808	(135.498.722.865)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702291330 thay đổi lần thứ 03 ngày 21 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex 180.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 121.630.314.367 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 09 ngày 12 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 50.490.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 30.416.501.773 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317214219 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71 số tiền 2.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702637282 thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 04 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW 4.132.435.370.000 VND, tương đương 23,91% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702013478 thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 2.932.020.037.837 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700230075 thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 1.312.413.463.769 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Khoản đầu tư gốc của Công ty là 461.013.591.047 VND đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 1.295.442.007.510 VND. Công ty đã đầu tư bổ sung vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 517.274.184.000 VND. Trong năm, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 735.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị đầu tư của Công ty là 2.547.716.191.510 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.812.716.191.510 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 108.033.003 cổ phiếu, tương đương 49,76% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 777.837.621.600 VND. Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 17.285.280 cổ phiếu và đã đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 1.879.774.230.000 VND tương đương 187.977.423 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 313.295.706 cổ phiếu, tương đương 49,76% vốn điều lệ (số đầu năm là 187.977.424 cổ phiếu, tương đương 49,76% vốn điều lệ).
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800405138 thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước 1.079.350.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 719.350.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ).
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 25 ngày 18 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 47,71% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 424.903.500.000 VND. Trong năm Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương đã phát hành cổ phiếu tăng vốn cho các cổ đông không kiểm soát làm giảm tỷ lệ vốn góp đầu tư của Công ty vào Công ty này giảm từ 60,70% xuống còn 47,71% và Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các hoạt động.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101505893 thay đổi lần thứ 04 ngày 19 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định 316.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 236.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ).
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801735946 thay đổi lần thứ 04 ngày 21 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ số tiền 223.076.100.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 07 ngày 17 tháng 5 năm 2024 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp (nay là TP. Hồ Chí Minh), Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 178.151.496.663 VND.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 17.844.600 cổ phiếu, tương đương 48,59% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 148.040.227.697 VND.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702880833 thay đổi lần thứ 07 ngày 25 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore 130.059.720.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ.
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 44,42% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 111.940.257.600 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương đã thay đổi thành viên quản lý chủ chốt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các hoạt động trong Công ty này.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701972175 thay đổi lần thứ 03 ngày 06 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 101.305.497.883 VND. Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 100%. Số cổ phiếu Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc năm tài chính là 18.300.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (xix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 46,94% vốn điều lệ.
- (xx) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303923529 thay đổi lần thứ 12 ngày 25 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi 5.629.900 cổ phiếu, tương đương 35,19% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 55.873.557.078 VND.
- (xxi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703112908 thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsp số tiền 36.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – Vsp 20.900.000 cổ phiếu với giá phí là 212.900.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 24.500.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ với giá phí 248.900.000.000 VND (số đầu năm là 36.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ).
- (xxii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703287760 thay đổi lần thứ 02 ngày 31 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành 49.000.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xxiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703341136 thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh 49.000.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (xxiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401215865 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- (xxv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 21 ngày 18 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP – Công ty Nước – Môi trường Bình Dương 375.000.000.000 VND, tương đương 19,44% vốn điều lệ. Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 5.250.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 42.750.000 cổ phiếu, tương đương 19,44% vốn điều lệ.
- (xxvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102528053 thay đổi lần thứ 06 ngày 22 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty là 217.369.220.800 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	135.498.722.865	670.176.176.811
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	17.513.593.598	(534.677.453.946)
Số cuối năm	153.012.316.463	135.498.722.865

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex		
Cho thuê công trình và trang thiết bị	28.800.000.000	28.800.000.000
Tài trợ xe ô tô	1.203.973.560	-
Cổ tức được chia	27.000.000.000	18.000.000.000
Chi phí khám sức khỏe nhân viên	1.742.032.547	10.971.353.648

S. C.
TNHH
i TƯ V
C
P. HỒ C

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp điện	142.478.093	193.860.215
Phí quản lý	-	41.164.545
Tài trợ xe ô tô	1.203.973.561	-
Lãi phạt chậm thanh toán	-	32.731.710
Cho thuê nhà ở xã hội	-	114.285.714
Cổ tức được chia	5.237.360.000	6.546.700.000
Chi phí dịch vụ y tế	1.554.153.689	1.862.502.985
Thanh lý tiền đất	-	72.945.351.985
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	33.520.098	-
Lãi phạt chậm thanh toán	1.216.890.312	-
Lãi chậm trả cổ tức	201.469.125	249.154.125
Cổ tức được chia	4.207.500.000	5.049.000.000
Chi phí dịch vụ thi công công trình	2.769.527.701	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	28.315.496	-
Tài trợ học bổng cho sinh viên	48.153.580.236	-
Chi phí tài trợ hoạt động	235.000.000	754.000.000
Phí in thẻ nhân viên	-	17.985.185
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay	128.064.385	194.505.371
Cung cấp dịch vụ	2.300.012.260	1.964.060.979
Nhận tiền ký quỹ	1.356.581.566	-
Thuê mặt bằng	2.938.262.950	1.665.410.775
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Chuyển nhượng tài sản cố định	8.577.272.727	-
Doanh thu xây dựng	-	15.006.155.344
Cho thuê mặt bằng	-	45.454.545
Lợi nhuận được chia	735.000.000.000	715.400.000.000
Góp vốn	735.000.000.000	111.274.184.000
Ứng tiền đầu tư dự án	-	267.870.240.000
Tiền cọc thuê văn phòng tại tòa nhà WTC	-	5.973.252.422
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	25.338.444.604	1.242.887.409.696
Cho thuê mặt bằng	327.272.727	218.181.818
Cung cấp dịch vụ	2.628.346.440	-
Tiền điện	148.713.153	-
Cổ tức được chia	93.988.712.000	131.584.196.800
Doanh thu hợp tác kinh doanh tạm chia	-	23.892.473.550
Chi phí hợp tác kinh doanh	-	12.374.029.572
Lãi trả chậm cổ tức	22.581.873.134	10.473.226.766
Nhận chuyển nhượng nhà văn phòng	-	202.923.200.000
Chi phí các dịch vụ khác	1.318.749.656	446.295.455
Góp vốn	1.253.182.820.000	626.591.410.000



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước</i>		
Cho thuê xe thi công	2.082.940.687	5.745.843.706
Cung cấp dịch vụ	431.222.040	12.545.454.546
Hoàn nhập doanh thu chuyển nhượng đất	110.165.454.545	-
Doanh thu bán cây	-	407.834.000
Cổ tức được chia	43.161.000.000	19.350.000.000
Góp vốn	360.000.000.000	289.350.000.000
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</i>		
Tiền điện, cho thuê mặt bằng	327.272.728	218.181.818
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	42.673.244.176	57.499.750.000
Thanh lý hợp đồng	9.939.317.431	-
Lãi chậm trả cổ tức, lãi chậm thanh toán	13.615.555.055	-
Chi phí dịch vụ thi công công trình	400.645.099.308	16.328.036.790
Mua vật tư cho các công trình	2.198.985.086	763.887.756
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	142.310.363.636	-
Nhận tiền ký quỹ	50.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</i>		
Cung cấp dịch vụ	16.385.913.107	12.042.882.072
Cung cấp cây xanh	-	549.600.000
Cổ tức được chia	-	36.000.000.000
Chi phí thuê nhà	184.090.908	195.967.782
Góp vốn	80.000.000.000	36.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ</i>		
Góp vốn	-	223.076.100.000
<i>Công ty Cổ phần Setia – Becamex</i>		
Cổ tức được chia	64.497.795.399	-
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	320.022.533	182.568.867
Cổ tức được chia	16.060.140.000	12.491.220.000
Chi phí dịch vụ thi công công trình	54.529.625.050	23.006.543.443
Nhận cung cấp dịch vụ cước, bảo trì	18.084.151.251	8.396.014.725
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ	10.084.338.182	9.384.160.648
Mua tài sản cố định	2.613.844.000	2.004.892.400
Nhận tiền ký quỹ	451.656.000	10.000.000
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.271.407.008	-
Nhận tiền ký quỹ	238.655.340	-
Chi phí tiền điện	3.364.780.003	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i>		
Phí quản lý, tiền điện, xử lý nước thải	312.599.058	344.371.183
Chuyển nhượng nhà phố	1.419.827.501.000	-
Cổ tức được chia	4.664.177.400	-
Chi phí dịch vụ thi công công trình	539.891.494.761	77.816.983.782
Mua vật tư cho các công trình	168.259.200	3.810.745.550
Thu tiền ký quỹ	-	50.000.000
Hoàn trả tiền ký quỹ	312.840.000	-
Chi phí thi công xây dựng	69.618.826.344	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông</i>		
Cho thuê	2.727.272.728	2.727.272.728
Cổ tức được chia	18.300.000.000	18.300.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương</i>		
Lãi trả chậm cổ tức	509.757.986	511.154.583
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi</i>		
Cổ tức được chia	15.763.720.000	23.645.580.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip</i>		
Góp vốn	212.900.000.000	-
Chi phí tiền điện	1.077.894.417	-
<i>Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành</i>		
Cung cấp dịch vụ	28.914.012	-
Góp vốn	49.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh</i>		
Góp vốn	49.000.000.000	-

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.435.133.186.279</i>	<i>2.304.106.169.368</i>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	26.427.825	85.112.767
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	145.687.011.437	147.617.884.728
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - Dự án 3	39.467.628.463	39.467.628.463
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB04	25.909.808.964	25.909.808.964
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn Quốc	1.653.977	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu	41.813.152	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	11.542.879.792	13.131.923.800
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.416.003.340	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	3.911.225.000	660.382.381.521
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	954.833.359	1.212.200.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)	-	6.025.862.150
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	3.284.466	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	105.529.762.340	126.110.144.007
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	485.551.350.433	547.049.354.102
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	16.512.654.683	3.525.291.067
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	41.842.164	30.643.355
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore	6.357.093	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	752.748.037.270	98.316.434.444
Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	4.062.521	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đồng Sài Gòn	845.776.550.000	635.241.500.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.925.526.445.572</i>	<i>2.559.005.975.111</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	689.894.129.000	965.556.914.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	215.871.289.042	663.504.578.527
Các khách hàng khác	1.019.761.027.530	929.944.482.584
Cộng	<u>4.360.659.631.851</u>	<u>4.863.112.144.479</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>652.330.902.030</i>	<i>253.794.790.505</i>
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	155.000.000.000	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	205.715.926.219	92.034.200.415
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	291.479.975.811	31.625.590.090
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	135.000.000	135.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>82.263.362.406</i>	<i>69.276.107.965</i>
Cộng	734.594.264.436	323.070.898.470

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.019.924.128.579</i>	-	<i>2.041.987.921.068</i>	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia phải thu	1.521.539.581.010	-	1.485.590.752.129	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.198.643.313.984	-	1.198.643.313.984	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	262.029.793.000	-	262.029.793.000	-
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương	5.915.000.000	-	5.915.000.000	-
Công ty Cổ phần Setia Becamex	54.951.474.026	-	13.953.645.145	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	-	-	5.049.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Phải thu góp vốn đầu tư dự án	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức	131.055.099.900	-	108.473.226.766	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu tiền đã thu hộ từ khách hàng	48.533.971.079	-	49.799.544.579	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm thanh toán	54.374.385.187	-	128.172.421.800	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	-	-	7.008.378.564	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn - Góp vốn đầu tư dự án	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	2.682.863.262	-	2.173.105.276	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Thu tiền hoàn ứng	521.337.829	-	521.337.829	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Lãi chậm trả cổ tức	-	-	249.154.125	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Lãi chậm thanh toán	1.216.890.312	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	118.958.268.645	-	669.849.693.897	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình				
Dương - tiền ứng bồi thường dự án	7.961.391.961	-	492.221.781.332	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp	69.774.332.649	-	111.776.125.957	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	7.192.534.403	-	13.215.773.831	-
Tạm ứng chi phí công tác	17.880.085.136	-	35.739.100.707	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	406.896.874	-	5.347.346.461	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo				
hiểm thất nghiệp	1.229.038.561	-	1.146.330.764	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	90.000.000	-	90.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.423.989.061	-	10.313.234.845	-
Cộng	2.138.882.397.224	-	2.711.837.614.965	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.845.131.900	-	16.230.391.265	-
Công cụ dụng cụ	156.773.000	-	156.773.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	20.710.642.614.465	-	19.093.245.917.212	-
Thành phẩm	86.019.230	-	86.019.230	-
Hàng hóa	2.111.430.769.047	-	2.111.430.769.047	-
Cộng	22.837.161.307.642	-	21.221.149.869.754	-

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.19).

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình trong năm là 932.784.789.656 VND (năm trước là 948.198.291.932 VND).

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.653.611.198	2.507.069.883
Chi phí đồng phục nhân viên	3.817.200.000	4.896.000.000
Chi phí tư vấn	1.838.491.877	2.445.450.000
Chi phí môi giới nhà ở	28.000.000	48.000.000
Chi phí bảo hiểm	2.489.615.116	2.298.786.317
Chi phí phần mềm	8.750.746.236	3.840.162.905
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.931.830.858	26.686.006.894
Cộng	21.509.495.285	42.721.475.999

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	66.329.249.303	98.167.288.979
Giá trị thương hiệu	3.156.836.661	4.672.118.241
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.449.787.747	1.227.160.298
Cộng	70.935.873.711	104.066.567.518

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết về Tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.620.058.000	123.125.752.781	415.364.130	154.161.174.911
Mua trong năm	-	12.563.692.000	-	12.563.692.000
Số cuối năm	30.620.058.000	135.689.444.781	415.364.130	166.724.866.911
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	84.322.756.389	415.364.130	84.738.120.519
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.138.786.284	86.644.208.963	415.364.130	94.198.359.377
Khấu hao trong năm	791.503.536	26.284.990.926	-	27.076.494.462
Số cuối năm	7.930.289.820	112.929.199.889	415.364.130	121.274.853.839
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	23.481.271.716	36.481.543.818	-	59.962.815.534
Số cuối năm	22.689.768.180	22.760.244.892	-	45.450.013.072
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.922.013.182.108	269.356.555.804	2.652.656.626.304
Khấu hao trong năm		86.667.976.573	
Số cuối năm	2.922.013.182.108	356.024.532.377	2.565.988.649.731

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tòa nhà Becamex Tower	453.183.803.705	62.544.161.159	390.639.642.546
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	50.693.135.720	133.645.539.500
Nhà ở xã hội	99.798.536.270	29.787.267.191	70.011.269.079
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	2.094.708.452.126	189.025.153.668	1.905.683.298.458
Trường Mầm non Ngô Thời Nhiệm	69.587.883.659	5.942.336.146	63.645.547.513
Bất động sản đầu tư khác	20.395.831.128	18.032.478.493	2.363.352.635
Cộng	2.922.013.182.108	356.024.532.377	2.565.988.649.731

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào hàng tồn kho	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	8.224.458.367	3.450.675.658	(1.216.869.727)	(449.447.639)	10.008.816.659
Xây dựng cơ bản dở dang	814.552.625.860	-	-	-	814.552.625.860
Tòa nhà WTC Tower	814.552.625.860	-	-	-	814.552.625.860
Cộng	822.777.084.227	3.450.675.658	(1.216.869.727)	(449.447.639)	824.561.442.519

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ chuyển sang bù trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau với số tiền là:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Năm 2024	93.196.669.399	93.196.669.399
Năm 2025	132.892.416.306	-
Cộng	226.089.085.705	93.196.669.399

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.870.172.044	100.422.671.383
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	1.073.183.560	4.405.458.124
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	1.432.302.765	22.596.780.645
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	7.360.000
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	11.541.792.000	15.839.028.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	2.872.513.582	31.492.490.389
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	2.004.558.287	3.608.804.525
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)	289.388.956	3.171.035.380
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	-	85.676.400
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	2.539.602.851	19.024.023.856

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	-	188.417.664
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip	116.830.043	-
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	-	3.596.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	226.411.531.375	296.961.305.566
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng RICONs	-	59.382.381.421
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	38.215.586.987	55.201.532.549
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Môi trường Bách Khoa	37.279.225.503	19.756.062.986
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC	29.478.796.836	33.845.132.657
Các nhà cung cấp khác	121.437.922.049	128.776.195.953
Cộng	248.281.703.419	397.383.976.949

13b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Bên liên quan.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	407.871.010.000	413.770.076.002
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	407.871.010.000	407.871.010.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	-	4.557.249.082
Công ty TNHH Becamex Tokyu	-	1.295.142.673
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	-	46.674.247
Trả trước của các khách hàng khác	396.273.405.390	1.205.405.326.078
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hồng Quang	104.554.757.894	62.350.311.830
Các khách hàng khác	291.718.647.496	1.143.055.014.248
Cộng	804.144.415.390	1.619.175.402.080

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mùn cao su thô, đèn bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong Khu Chế xuất	0%
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	05%
- Các hoạt động khác (*)	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 05% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

(*) Trong năm, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.368.357.642.741	2.044.035.274.425
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ	132.892.416.306	93.196.669.399
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	10.259.039.375	53.279.516.256
Thu nhập chịu thuế	2.511.509.098.422	2.190.511.460.080
Thu nhập được miễn thuế	(1.083.455.404.799)	(986.366.696.800)
Thu nhập tính thuế	1.428.053.693.623	1.204.144.763.280
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	285.610.738.725	240.828.952.656
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(207.294.945)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	285.610.738.725	240.621.657.711

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Phải trả người lao động**

Tiền lương phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	244.008.157.939	239.314.109.501
Trích trước giá vốn các dự án	8.975.016.503.130	8.459.002.384.099
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	37.414.078.131	47.252.604.489
Cộng	9.256.438.739.200	8.745.569.098.089

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	890.776.096.974	964.083.278.079
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	501.256.417.003	501.256.417.003
Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	472.430.287.054
Phí quản lý, sửa chữa	1.173.574.907	1.173.574.907
Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	27.652.555.042	27.652.555.042
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Trích trước chi phí tài trợ học bổng	18.610.385.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Tiền ứng đầu tư dự án	-	391.076.861.076
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex - Tiền ứng đầu tư dự án	39.280.000.000	70.960.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông – Nhận ký quỹ ngắn hạn	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương – Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	328.302.581.635	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Nhận ký quỹ ngắn hạn	90.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Sao Hòa Toàn Quốc - Nhận ký quỹ ngắn hạn	272.350.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.356.581.566	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam - Nhận ký quỹ ngắn hạn	451.656.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore - Nhận ký quỹ ngắn hạn	238.655.340	-
Công ty TNHH Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	117.470.430	-
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương - Nhận ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	90.726.127.885	71.765.573.866
Nhận ký quỹ ngắn hạn	25.566.255.412	9.894.230.000
Kinh phí công đoàn	8.187.775.461	7.507.863.969
Thù lao chi hộ thành viên Hội đồng quản trị của các công ty con	5.725.868.440	5.725.868.440
Các khoản bảo hiểm	2.668.548.166	1.999.526.199
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.577.680.406	46.638.085.258
Cộng	981.502.224.859	1.035.848.851.945

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh nhà ở số 60/11/2024/HĐVT/HĐ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương để thực hiện công trình nhà ở riêng lẻ tại Khu tái định cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	417.000.000	799.840.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	-	312.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Nhận ký quỹ dài hạn	210.100.000	210.100.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	191.900.000	191.900.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam - Nhận ký quỹ dài hạn	15.000.000	85.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.901.520.000	3.238.420.000
Cộng	3.318.520.000	4.038.260.000

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.682.094.637.579	4.958.687.548.269
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	1.980.039.072.599	2.909.718.432.035
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	1.702.055.564.980	1.798.969.116.234
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	250.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(iv)	206.901.000.000	120.487.319.609
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.263.117.669.920	974.509.663.962
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	255.349.635.144	255.349.635.144
Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	111.392.048.292	222.784.042.334
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	216.375.986.484	216.375.986.484
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	280.000.000.000	280.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	400.000.000.000	-
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	4.488.924.657.535	796.021.917.808
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ^(v)	-	800.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu	-	(3.978.082.192)
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (xem thuyết minh số V.19b)	2.000.000.000.000	-
- Mệnh giá trái phiếu	(2.273.972.602)	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (xem thuyết minh số V.19b)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(8.801.369.863)	-
Cộng	9.641.037.965.034	6.849.706.449.648

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 730.464,10 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/83576/HĐBĐ và phụ lục ngày 11 tháng 12 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng.
 - Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 72.039 m² tại Thành phố mới Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/83576/HĐBĐ ngày 12 tháng 05 năm 2021.
 - Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/83576/HĐBĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 20.625,3 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 300076619/2021/HĐBĐ/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 24 tháng 05 năm 2021.
 - Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 13.511 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 03.300076619/2023/HĐBĐ/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 29 tháng 06 năm 2023.
 - 03 Quyền sử dụng đất với diện tích 10.570,1 m²; 9.310,3 m² và 31.312,9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 04.300076619/2023/HĐBĐ/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 15 tháng 12 năm 2023.
 - 15 Quyền sử dụng đất với diện tích 106.148,9 m² tại Khu dân cư 5F ấp 5, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số 01.300076619/2024/HĐBĐ/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 26 tháng 12 năm 2024.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất số 256, tờ bản đồ số 89 ở phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) diện tích 68.867,3 m².
- (iv) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất theo thông báo từng thời kỳ.
- (v) Trái phiếu phát hành do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa làm đại lý đăng ký, lưu ký.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các phương án kinh doanh, dự án của Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2025, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Các quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) và toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến các quyền sử dụng đất.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.046.420.425.324	3.772.988.097.244
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi ⁽ⁱ⁾	383.024.455.717	638.374.092.861
Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	111.392.048.292
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	486.845.969.607	703.221.956.091
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	800.000.000.000	1.200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(v)	840.000.000.000	1.120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ^(vi)	536.550.000.000	-
Trái phiếu thường dài hạn	11.229.035.324.199	11.240.487.115.981
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest ^(vii)		
- Mệnh giá trái phiếu	-	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(12.273.972.602)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ^(viii)		
- Mệnh giá trái phiếu	-	2.500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(21.301.369.863)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ^(ix)		
- Mệnh giá trái phiếu	406.000.000.000	406.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.784.109.588)	(6.758.509.588)
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest ^(x)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(25.068.493.150)	(35.068.493.150)
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ^(xi)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(20.923.287.671)	(27.923.287.671)
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ^(xii)		
- Mệnh giá trái phiếu	800.000.000.000	800.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(10.915.652.969)	(17.848.986.302)
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ^(xiii)		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.133.333.334)	(3.466.666.668)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP ^(xiv)		
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.388.127.853)	(8.721.461.187)
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ^(xv)		
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.232.876.713)	(5.232.876.713)
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ^(xvi)		
- Mệnh giá trái phiếu	320.000.000.000	320.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.775.707.762)	(5.909.041.096)
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK ^(xvii)		
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(15.608.219.179)	(21.008.219.179)
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ^(xviii)		
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(8.648.401.827)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK ^(xix)		
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(36.575.342.467)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ^(xx)		
- Mệnh giá trái phiếu	660.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(12.573.150.685)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBANK ^(xxi)		
- Mệnh giá trái phiếu	900.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(17.605.479.452)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ^(xxii)		
- Mệnh giá trái phiếu	440.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(8.732.493.151)	-
Cộng	14.275.455.749.523	15.013.475.213.225

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi theo Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/1 và Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/2 ngày 15 tháng 6 năm 2018 với tổng hạn mức 1.948 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ để đền bù/mua đất thực hiện Khu Công nghiệp Cây Trường và Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 47 bất động sản tại Khu dân cư 5C ấp 5, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).

(ii) Khoản vay Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và các tổ chức tài chính khác theo Hợp đồng tín dụng số SYND-CCB-FACONT/2020-001 ngày 22 tháng 01 năm 2021 với số tiền 881 tỷ VND, thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên để bổ sung nguồn vốn phục vụ Dự án đầu tư, xây dựng Tòa nhà văn phòng - thương mại - dịch vụ Becamex, Trung tâm Triển lãm WTC Thành phố mới Bình Dương, Nâng cấp mở rộng đường DT743, Đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 10%/năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tổng diện tích 138.464,9 m² tại Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0000588.23 ngày 13 tháng 12 năm 2023, thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, với tổng số tiền 500 tỷ VND để tài trợ hoặc bù đắp chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; tài trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng”. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Hợp đồng tín dụng số 6595010.24 ngày 18 tháng 01 năm 2024, thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, với tổng số tiền 500 tỷ VND để tài trợ hoặc bù đắp chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; tài trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng mở rộng”. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tổng diện tích 68.867,3 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 161992/2024/HDCV với tổng số tiền 1.200.000.000.000 VND để tài trợ hoặc cho vay bù đắp chi phí khách hàng đã chi trả bằng vốn tự có để thực hiện giải tỏa đền bù đất cho các dự án. Giá trị bằng 85% chi phí vốn tự có của Công ty. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 64 thửa đất KDC 5F; ấp 5; thuộc các tờ bản đồ số 45,46,47,48 thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh) và Quyền tài sản, các khoản phải thu của Công ty trong quá trình kinh doanh 160 ha đất thương phẩm tại Khu Công nghiệp Cây Trường tại thị trấn Lai Uyên và Xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Trừ Văn Thố và xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng số 557/2024/VPB-BECAMEX-1 ngày 20 tháng 09 năm 2024 với tổng số tiền 1.400.000.000.000 VND để bù đắp chi phí đã đầu tư Khu đô thị mới (Khu 1) thuộc khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 252 tờ bản đồ số 89 với diện tích 20.707,7 m² thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 142 tờ bản đồ số 78 với diện tích 32.184,7 m² thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 20 tờ bản đồ số 78 với diện tích 21.293 m² thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số MMD20253883848/HDTD ngày 22 tháng 12 năm 2025 với tổng số tiền 800.000.000.000 VND để góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam- Singapore. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 167.477,4 m² tọa lạc tại 24 thửa đất KDC 5F, thuộc xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh.

- (vii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 25 tháng 3 năm 2026, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau (đối với số tiền gửi lớn hơn 10 tỷ VND) kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 10,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất đối với 29 lô đất có tổng diện tích 230.068,50 m² tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh) và 1 lô đất có diện tích 71.631 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh); các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên.

- (viii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.500 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2026, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau (đối với số tiền gửi lớn hơn 10 tỷ VND) kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 10,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất đối với 7 lô đất có tổng diện tích 121.943,5 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh); các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ix) Trái phiếu phát hành do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa làm đại lý đăng ký, lưu ký.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 406 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 06 tháng 10 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 02 kỳ tính lãi đầu tiên là 12,5%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm.

Tài sản đảm bảo: 01 Quyền sử dụng đất có diện tích 40.521,8 m² thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (x) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 05 tháng 7 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 12%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản đảm bảo gồm:

- 02 Quyền sử dụng đất thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).
- 18 Quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư 5B, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).
- 08 Quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư 5B, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).

- (xi) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.300 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 12%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 10,5%/năm.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo Quyền sử dụng đất đối với 3 lô đất có tổng diện tích 67.702,6 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (xii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 800 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 17 tháng 6 năm 2027, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,1%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là lãi suất cho vay khách hàng CIB áp dụng cho khoản vay VND có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần do Ngân hàng TMCP Quân đội công bố/thông báo áp dụng lãi suất được xác định tại ngày xác định lãi suất của kỳ tính lãi đó.

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất đối với 3 lô đất có tổng diện tích 63.634,5 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (xiii) Trái phiếu phát hành do Công ty TNHH Chứng Khoán Shinhan Việt Nam làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 08 tháng 8 năm 2027, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10,0%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội công bố.

Tài sản đảm bảo là 01 Quyền sử dụng đất có diện tích 11.552,0 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (xiv) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 500 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 14 tháng 8 năm 2027, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,2%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 9,8%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội công bố.

Tài sản đảm bảo là 01 Quyền sử dụng đất có diện tích 23.995,0 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xv) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 300 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 14 tháng 8 năm 2027, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10,0%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội công bố.

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất có diện tích 15.004,7 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (xvi) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 320 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 09 tháng 10 năm 2027, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10,0%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội công bố.

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất có diện tích 17.827,4 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh).

- (xvii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.080 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 02 tháng 12 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,7%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,4%/năm nhưng không thấp hơn 10,3%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là 2 Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 35.626,2 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) và 17 quyền dụng đất với tổng diện tích 115.280,1 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xviii) Trái phiếu phát hành do Công ty TNHH chứng khoán Shinhan Việt Nam làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 500 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 06 tháng 08 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ thanh toán lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 10,3%/năm, các kỳ thanh toán lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là 21 Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 121.032,6 m² tại xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).

- (xix) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 29 tháng 08 năm 2029, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ thanh toán lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 2 kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các kỳ thanh toán lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,4%/năm nhưng không thấp hơn 10,3%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là 02 Quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) và 31 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh) có tổng diện tích 243.660,9 m².

- (xx) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 660 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ thanh toán lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 10,3%/năm, các kỳ thanh toán lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là 02 Quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh) và 85 Quyền sử dụng đất tại phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) có tổng diện tích 92.107,8 m².

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xxi) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBANK làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 900 tỷ VND dùng để cơ cấu lại nợ của tổ chức phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 08 tháng 12 năm 2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ thanh toán lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 10,3%/năm, các kỳ thanh toán lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,0%/năm nhưng không thấp hơn 10%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là 16 Quyền sử dụng đất tại phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh) và 1 Quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh) có tổng diện tích 65.140 m².

- (xxii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI làm đại lý phát hành và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 440 tỷ VND dùng để góp vốn đầu tư vào các công ty liên doanh/liên kết để tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện đầu tư các dự án do các công ty nhận vốn góp làm chủ đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 18 tháng 12 năm 2030, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ thanh toán lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên là 10,3%/năm, các kỳ thanh toán lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm nhưng không thấp hơn 9,7%/năm. Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Khu vực Hà Nội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và công bố.

Tài sản đảm bảo là và 16 Quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP.Hồ Chí Minh) có tổng diện tích 117.292 m².

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.309.538.095.244	1.263.117.669.920	2.772.297.030.324	274.123.395.000
Trái phiếu thường	15.717.959.981.734	4.488.924.657.535	11.229.035.324.199	-
Cộng	20.027.498.076.978	5.752.042.327.455	14.001.332.354.523	274.123.395.000

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.747.497.761.206	974.509.663.962	3.772.988.097.244	-
Trái phiếu thường	12.036.509.033.789	796.021.917.808	11.240.487.115.981	-
Cộng	16.784.006.794.995	1.770.531.581.770	15.013.475.213.225	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ trong năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	372.080.495.350	113.308.000.000	71.057.800	(208.470.777.831)	276.988.775.319
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.819.790.000	-	(1.819.790.000)	-
Cộng	372.080.495.350	115.127.790.000	71.057.800	(210.290.567.831)	276.988.775.319

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê đất nhận trước tại các Khu Công nghiệp.

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Chi tiết phát sinh của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.756.871.617	138.513.822.445
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	200.000.000.000	-
Kết chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	36.486.177.555
Hao mòn tài sản cố định	(2.422.457.000)	(140.243.128.383)
Số cuối năm	232.334.414.617	34.756.871.617

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	9.878.048.000.000	9.878.048.000.000
Các cổ đông khác	471.952.000.000	471.952.000.000
Cộng	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 40/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2024, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2024, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 56/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 10.350.000.000.000 VND lên 13.350.000.000.000 VND. Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 14 tháng 02 năm 2025, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy chứng nhận số 33/GCN-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2025 và được gia hạn đến hết ngày 02 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định số 93/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 4 năm 2025, Công ty tạm hoãn đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ này.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 như sau:

	Số được duyệt trích	Số trích năm nay
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	113.308.000.000	113.308.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	539.180.305.043	539.180.305.043
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1.819.790.000	1.819.790.000
• Chia cổ tức 11% (*)	1.138.500.000.000	-
Cộng	1.792.808.095.043	654.308.095.043

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 11%/ mệnh giá, tương đương số tiền là 1.138.500.000.000 VND bằng tiền hoặc cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 99/2025/TB/IDC-QLTC ngày 02 tháng 7 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ với tỷ lệ 11% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTC

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT về việc dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 theo Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 99/2025/TB/IDC-QLTC ngày 02 tháng 7 năm 2025. Thống nhất chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền và chốt danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 13 tháng 02 năm 2026 để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 11%/ cổ phiếu. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 24.980,57 USD (Số đầu năm là 25.006,97 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản (i)	5.863.083.025.713	3.317.889.490.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	402.133.437.802	347.208.444.473
Doanh thu xây dựng	16.385.913.107	27.049.037.416
Doanh thu khác	70.777.544.277	75.063.270.116
Cộng	6.352.379.920.899	3.767.210.242.431

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	93.340.897.709	43.432.638.926
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(49.945.320.147)	(38.003.765.337)
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	43.395.577.562	5.428.873.589

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cho thuê mặt bằng	8.316.000.000	12.612.000.000
Cung cấp dịch vụ	3.789.147.148	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)		
Cho thuê mặt bằng	-	26.368.086.500
Cung cấp dịch vụ	1.023.229.769	-
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương		
Cung cấp điện	11.952.197	4.490.053

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

[illegible]

60

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	7.743.758.972	39.650.000
Giảm giá hàng bán	1.482.944.871	5.020.802.589
Cộng	9.226.703.843	5.060.452.589

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.011.639.877.195	692.384.132.375
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	89.063.503.518	85.434.307.376
Giá vốn xây dựng	16.385.913.107	27.049.037.416
Giá vốn hoạt động khác	6.987.249.637	13.647.851.226
Cộng	2.124.076.543.457	818.515.328.393

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	694.609.202	9.740.493.152
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.647.594.664	2.570.865.315
Lãi cổ tức chậm trả	23.293.100.245	11.233.535.474
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.083.455.404.799	986.366.696.800
Lãi tiền cho vay	497.000.000	336.875.000
Doanh thu tài chính khác	21.356.229	89.674.035
Cộng	1.110.609.065.139	1.010.338.139.776

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.278.392.096.678	1.090.514.575.704
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	42.244.267.756	26.901.007.648
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	17.513.593.598	(534.677.453.946)
Phí ngân hàng cam kết rút vốn vay	58.100.000.000	15.000.000.000
Chi phí tài chính khác	197.975.836	122.705.170
Cộng	1.396.447.933.868	597.860.834.576

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	349.516.352.919	322.316.107.854
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	36.364.951.424	7.156.320.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.623.471.707	87.326.205.698
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	208.967.798.406	209.585.149.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.079.785.531	142.454.709.366
Các chi phí khác	299.542.780.648	211.964.851.751
Cộng	985.095.140.635	980.803.344.579

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	152.272.763.695	149.070.433.496
Chi phí vật liệu quản lý	384.456.199	1.066.640.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.391.745.282	694.634.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.429.964.470	75.575.168.545
Thuế, phí và lệ phí	16.395.186.574	18.948.266.554
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	200.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.996.707	4.679.843.861
Các chi phí khác	69.645.170.278	51.077.668.255
Cộng	516.117.283.205	301.112.654.723

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.723.884.123	31.990.062
Thu lãi phạt chậm thanh toán	36.558.352.945	3.896.498.487
Thu nhập từ thanh lý hợp đồng	1.138.483.500	-
Tiền bồi thường thực hiện công trình	678.624.320	5.490.836.460
Xử lý công nợ phải trả	-	6.489.473.320
Thu nhập khác	608.617.979	2.603.864.374
Cộng	41.707.962.867	18.512.662.703

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài trợ	95.367.388.046	43.135.351.069
Phạt vi phạm hành chính	4.240.752.080	1.977.436.352
Chi phí khác	5.767.561.030	3.560.368.204
Cộng	105.375.701.156	48.673.155.625

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.417.801.676	107.614.379.633
Chi phí nhân công	547.155.548.358	523.361.452.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.686.272.609	207.213.884.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.135.824.497.495	3.337.614.071.870
Chi phí khác	789.959.430.052	266.704.847.906
Cộng	4.780.043.550.190	4.442.508.635.885

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua tài sản cố định	7.891.757.908	97.399.549.035
Trả trước tiền mua tài sản cố định	1.744.700.000	3.207.436.960

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	33.233.432.300	32.708.169.533
Trên 01 năm đến 05 năm	166.167.161.501	163.540.847.664
Trên 05 năm	698.417.717.298	792.043.992.290
Cộng	897.818.311.099	988.293.009.487

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.427.336.190	1.600.000.000	-	4.027.336.190
Ông Phạm Ngọc Thuận - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.830.018.190	1.200.000.000	-	3.030.018.190
Ông Nguyễn Phú Thịnh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	330.000.000	330.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	200.000.000	200.000.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	919.009.523	560.000.000	-	1.479.009.523
Ông Vũ Quang Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị (bầu bổ sung ngày 15/5/2025)	-	-	-	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ - Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 24/6/2025)	951.095.429	600.000.000	-	1.551.095.429
Ông Quảng Văn Việt Cường - Phó Tổng Giám Đốc	1.230.912.190	800.000.000	-	2.030.912.190
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy - Phó Tổng Giám đốc	1.236.096.190	800.000.000	-	2.036.096.190
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/7/2025)	616.062.000	600.000.000	-	1.216.062.000
Ông Trịnh Xuân Đức - Phó Tổng Giám đốc	1.230.018.190	800.000.000	-	2.030.018.190
Bà Trần Thị Hồng Minh - Phó Tổng Giám Đốc	1.230.763.190	800.000.000	-	2.030.763.190
Ông Nguyễn Thế Duy - Phó Tổng Giám Đốc	1.230.018.190	800.000.000	-	2.030.018.190
Ông Hồ Hồng Thạch - Trưởng Ban Kiểm Soát	865.857.735	560.000.000	-	1.425.857.735
Bà Huỳnh Thị Quế Anh - Thành viên Ban kiểm soát	461.942.250	280.000.000	-	741.942.250
Ông Nguyễn Minh Dương - Kiểm soát viên	297.110.000	246.000.000	-	543.110.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kế toán trưởng	1.262.295.523	800.000.000	-	2.062.295.523
Cộng	15.788.534.790	10.446.000.000	530.000.000	26.764.534.790

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.426.760.000	1.200.000.000	-	3.626.760.000
Ông Nguyễn Phú Thịnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	360.000.000	360.000.000
Ông Phạm Ngọc Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.832.124.000	900.000.000	-	2.732.124.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	905.388.000	419.475.000	-	1.324.863.000
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	204.000.000	204.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Phó Tổng Giám đốc	1.237.308.000	600.000.000	-	1.837.308.000
Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Tổng Giám đốc	1.232.124.000	600.000.000	-	1.832.124.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	1.232.124.000	600.000.000	-	1.832.124.000
Ông Trịnh Xuân Đức – Phó Tổng Giám đốc	1.226.760.000	600.000.000	-	1.826.760.000
Bà Trần Thị Hồng Minh - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/12/2024)	102.602.500	81.621.000	-	184.223.500
Ông Nguyễn Thế Duy - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/12/2024)	102.230.000	72.000.000	-	174.230.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 28/11/2024)	722.300.000	280.000.000	-	1.002.300.000
Ông Hồ Hồng Thạch - Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 28/11/2024)	145.354.000	140.000.000	-	285.354.000
Bà Huỳnh Thị Quế Anh – Thành viên Ban kiểm soát	446.760.000	210.000.000	-	656.760.000
Ông Nguyễn Minh Dương – Thành viên Ban kiểm soát	507.780.000	246.000.000	-	753.780.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Kế toán trưởng	1.248.972.000	600.000.000	-	1.848.972.000
Cộng	13.368.586.500	6.549.096.000	564.000.000	20.481.682.500

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip	Công ty liên kết

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành
Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đồng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
Công ty TNHH MTV Aspire

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa - Dự án 2
Công ty TNHH BW Supply Chain City

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - Dự án 3
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB04
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB05
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB06
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB01
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn Quốc
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex

Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex
Công ty Liên doanh TNHH SinViet

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết

Công ty liên kết
Công ty liên kết từ ngày 15/5/2025
Công ty liên kết từ ngày 17/4/2025
Công ty con của trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty con của Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước
Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
(Không còn là bên liên quan từ ngày 15/05/2025)

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Công ty TNHH Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty con của Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí dịch vụ khác	14.517.172.939	13.405.180.457
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)		
Mua vé máy bay	1.444.195.075	967.797.199
Mua nguyên liệu, vật tư	305.405.401	-
Chi phí dịch vụ khác	4.088.548.184	16.054.642.889
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương		
Mua hàng hoá, dịch vụ	1.794.667.407	1.953.203.045
Thu tiền ký quỹ	50.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH SinViet (đến ngày 14/05/2025)		
Chi phí dịch vụ khác	21.080.000	14.530.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	-	174.460.800
Công ty TNHH Giải pháp VNTT		
Phí dịch vụ cung cấp phần mềm	-	2.340.891.392
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn Quốc		
Nhận tiền ký quỹ	272.350.000	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu		
Chi phí mua vé xe Buýt Free Pass	4.520.880.000	-
Phí quảng bá	12.622.955.555	-
Công ty TNHH Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore		
Nhận tiền ký quỹ	117.470.430	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.14 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Số liệu so sánh

Theo Biên bản kiểm tra ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 113/QĐ-DNL ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.840.309.700.479	22.802.444.000	4.863.112.144.479
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.713.910.564.420	(2.072.949.455)	2.711.837.614.965
Phải trả người bán ngắn hạn	311	399.622.060.563	(2.238.083.614)	397.383.976.949
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	196.271.420.987	35.195.242.062	231.466.663.049
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.818.518.933.131	(72.949.835.042)	8.745.569.098.089
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.849.349.974.375	60.722.171.139	1.910.072.145.514
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.746.480.747.886	20.729.494.545	3.767.210.242.431
Giá vốn hàng bán	11	808.099.701.784	10.415.626.609	818.515.328.393
Chi phí bán hàng	25	983.978.168.330	(3.174.823.751)	980.803.344.579
Thu nhập khác	31	12.023.189.383	6.489.473.320	18.512.662.703
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.024.057.109.418	19.978.165.007	2.044.035.274.425
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	226.789.425.942	13.832.231.769	240.621.657.711
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.797.267.683.476	6.145.933.238	1.803.413.616.714
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.024.057.109.418	19.978.165.007	2.044.035.274.425
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	418.071.167.300	(20.522.199.600)	397.548.967.700
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(254.706.168.786)	544.034.593	(254.162.134.193)

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Các lĩnh vực khác: xây dựng, cung cấp dịch vụ và lĩnh vực khác.

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.854.595.436.944	488.557.780.112	6.343.153.217.056
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.854.595.436.944	488.557.780.112	6.343.153.217.056
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.457.368.438.368	260.495.811.391	2.717.864.249.759
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.717.864.249.759
Doanh thu hoạt động tài chính			1.110.609.065.139
Chi phí tài chính			(1.396.447.933.868)
Thu nhập khác			41.707.962.867
Chi phí khác			(105.375.701.156)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(285.610.738.725)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.082.746.904.016
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.398.264.440	1.952.552.359	25.350.816.799
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	243.060.193.164	13.050.711.187	256.110.904.351
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.314.691.027.406	447.458.762.436	3.762.149.789.842
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.314.691.027.406	447.458.762.436	3.762.149.789.842
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.492.858.122.883	168.860.339.264	1.661.718.462.147
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.661.718.462.147
Doanh thu hoạt động tài chính			1.010.338.139.776
Chi phí tài chính			(597.860.834.576)
Thu nhập khác			18.512.662.703
Chi phí khác			(48.673.155.625)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(240.621.657.711)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.803.413.616.714
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	238.845.311.496	32.242.349.773	271.087.661.269
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	222.130.208.366	18.637.508.170	240.767.716.536
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX – CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	29.138.055.633.776	-	29.138.055.633.776
Tài sản phân bổ cho bộ phận	3.120.350.050.725	260.388.836.492	3.380.738.887.217
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			20.004.161.218.114
Tổng tài sản			52.522.955.739.107
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	840.545.742.044	-	840.545.742.044
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	31.983.036.231.541	2.668.939.528.071	34.651.975.759.612
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			509.323.189.936
Tổng nợ phải trả			36.001.844.691.592
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	23.545.141.940.781	-	23.545.141.940.781
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.297.717.145.460	991.337.467.041	8.289.054.612.501
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			17.056.887.279.650
Tổng tài sản			48.891.083.832.932
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.619.704.614.080	-	1.619.704.614.080
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	28.446.778.794.486	3.864.271.123.900	32.311.049.918.386
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			406.837.366.967
Tổng nợ phải trả			34.337.591.899.433

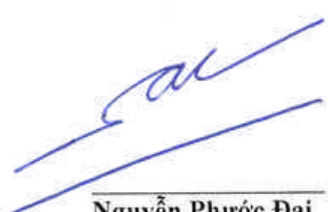
4b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu ở thuyết minh V.23d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Phước Đại
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc



TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	529.793.752.465	417.185.007.566	670.215.386.024	129.146.562.407	1.746.340.708.462
Mua trong năm	-	1.598.000.000	1.391.978.182	6.501.980.663	9.491.958.845
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	449.447.639	-	-	-	449.447.639
Tăng từ quỹ khoa học công nghệ	-	-	-	2.422.457.000	2.422.457.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(914.127.273)	(11.722.253.487)	(68.000.000)	(12.704.380.760)
Số cuối năm	530.243.200.104	417.868.880.293	659.885.110.719	138.003.000.070	1.746.000.191.186
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	278.021.997.436	60.849.410.918	474.474.862.781	91.787.290.136	905.133.561.271
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	357.467.593.072	204.032.157.855	561.268.171.529	99.793.231.384	1.222.561.153.840
Khấu hao trong năm	11.424.127.521	26.373.597.267	33.219.998.235	13.924.078.551	84.941.801.574
Khấu hao cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	2.422.457.000	2.422.457.000
Điều chỉnh phân loại	(236.128.718)	671.499.764	(611.664.667)	176.293.621	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(914.127.273)	(3.534.120.487)	(68.000.000)	(4.516.247.760)
Số cuối năm	368.655.591.875	230.163.127.613	590.342.384.610	116.248.060.556	1.305.409.164.654
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	172.326.159.393	213.152.849.711	108.947.214.495	29.353.331.023	523.779.554.622
Số cuối năm	161.587.608.229	187.705.752.680	69.542.726.109	21.754.939.514	440.591.026.532
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Nguyễn Phước Đại
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc



Phụ lục này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 02: Chi tiết phát sinh về Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác ^(*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	53.305.225.585	-	331.382.304.331	(300.774.988.772)	-	83.912.541.144	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.941.679.270	-	285.610.738.725	(330.000.000.000)	(6.023.239.428)	119.529.178.567	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.093.704.194	-	59.554.661.181	(61.141.599.718)	-	6.506.765.657	-
Thuế tài nguyên	-	-	433.455.750	(433.455.750)	-	-	-
Thuế nhà đất	-	1.938.284.501	14.534.242.757	(14.534.242.757)	-	-	1.938.284.501
Các loại thuế khác	126.054.000	-	1.139.162.242	(949.124.779)	-	316.091.463	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.545.631.567	(6.545.631.567)	-	-	-
Cộng	231.466.663.049	1.938.284.501	699.200.196.553	(714.379.043.343)	(6.023.239.428)	210.264.576.831	1.938.284.501

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho hoạt động ứng trước để sang nhượng và thuê đất đã ghi nhận doanh thu trong năm.

Nguyễn Phước Đại
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc

Phụ lục này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 03: Chi tiết phát sinh về các khoản vay

Đơn vị tính: VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.958.687.548.269	5.023.026.758.875	-	-	(6.299.619.669.565)	3.682.094.637.579
Vay ngắn hạn các cá nhân	120.487.319.609	136.747.753.332	-	-	(50.334.072.941)	206.901.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	974.509.663.962	-	1.263.117.671.920	-	(974.509.665.962)	1.263.117.669.920
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	796.021.917.808	-	4.483.924.657.535	8.978.082.192	(800.000.000.000)	4.488.924.657.535
Cộng	6.849.706.449.648	5.159.774.512.207	5.747.042.329.455	8.978.082.192	(8.124.463.408.468)	9.641.037.965.034

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.772.988.097.244	536.550.000.000	(1.263.117.671.920)	-	-	3.046.420.425.324
Trái phiếu thường	11.240.487.115.981	4.500.000.000.000	(4.483.924.657.535)	62.472.865.753	(90.000.000.000)	11.229.035.324.199
Cộng	15.013.475.213.225	5.036.550.000.000	(5.747.042.329.455)	62.472.865.753	(90.000.000.000)	14.275.455.749.523

Nguyễn Phước Đại
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc

Phụ lục này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

10. TP.HC
A&C
TỔNG VÀ T
10.49872

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.350.000.000.000	1.793.697.770.007	1.701.560.008.877	13.845.257.778.884
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2023-2024	-	-	54.576.237.901	54.576.237.901
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	10.350.000.000.000	1.793.697.770.007	1.756.136.246.778	13.899.834.016.785
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.803.413.616.714	1.803.413.616.714
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	499.722.017.978	(611.097.717.978)	(111.375.700.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(1.035.000.000.000)	(1.035.000.000.000)
Điều chỉnh khoản cổ tức nhận được của Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương các năm trước	-	-	(3.380.000.000)	(3.380.000.000)
Số dư cuối năm trước	10.350.000.000.000	2.293.419.787.985	1.910.072.145.514	14.553.491.933.499
Số dư đầu năm nay	10.350.000.000.000	2.293.419.787.985	1.849.349.974.375	14.492.769.762.360
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2023-2024	-	-	60.722.171.139	60.722.171.139
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	10.350.000.000.000	2.293.419.787.985	1.910.072.145.514	14.553.491.933.499
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.082.746.904.016	2.082.746.904.016
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	539.180.305.043	(654.308.095.043)	(115.127.790.000)
Số dư cuối năm nay	10.350.000.000.000	2.832.600.093.028	3.338.510.954.487	16.521.111.047.515

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Phước Đại
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàn Vũ
Tổng Giám đốc

Phụ lục này phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

